

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 82/2021/HS-ST

Ngày: 02-12-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Giàu

Bà Phạm Thị Kim Lan

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

1. HUỲNH HỮU D (D Mập), sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 161, ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971; Sống chung như vợ chồng với Trương Hương G, sinh năm 1997; Con: Có 01 con chung sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: Tại Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 12/3/2021 của Công an xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến nay. (Có mặt)

2. ĐỖ HOÀNG S, sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp L, xã LT, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị C, sinh năm 1954; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: Tại Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 25/12/2020 của Công an xã LT, huyện B, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy, Tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã LT, huyện B, tỉnh Bến Tre đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng

về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/6/2021 đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số 55A1, khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Bà Tô Kim Y, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số 216C, ấp B, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: ấp P, xã PT, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số 161, ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Số 137B, khu phố N, Phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/03/2021 đến ngày 13/6/2021, trên địa bàn thành phố BT, tỉnh Bến Tre và huyện C, tỉnh Bến Tre, các bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào trưa ngày 14/3/2021, bị cáo D điều khiển xe mô tô loại Novo 5 màu trắng- tím, biển số 71B1-471.84 chở bị cáo S chạy ngang nhà anh Phan Văn B ở số 55A1, khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo D phát hiện trước sân nhà anh B có để một cái chậu để trồng cây kiểng nên rủ S lấy trộm cái chậu của anh B thì bị cáo S đồng ý. Để thực hiện ý định, đến khoảng 01 giờ ngày 15/3/2021, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 71B1-471.84 chở bị cáo S đến nhà anh B. Đến nơi, bị cáo D ngồi ngoài xe cảnh giới còn bị cáo S leo rào vào trong sân lấy cái chậu kiểng của anh B chuyển ra ngoài cho bị cáo D rồi cùng nhau chở chậu đem về nhà bị cáo D cất giấu. Sau đó, hành vi của các bị cáo D và S bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chậu trồng cây kiểng, đường kính trong 41cm, đường kính ngoài 49 cm, chiều cao 35cm, viền trắng men màu xanh dương (do bị cáo D giao nộp).

- 01 xe mô tô loại Novo 5 màu trắng-tím, biển kiểm soát 71B1-471.84.

Theo Biên bản giám định hiện vật số 06/GĐ-KH2021 ngày 02/4/2021 của Hội đồng khoa học - Bảo tàng Lịch sử thuộc Sở văn hóa và Thể thao thành phố Hồ

Chí Minh kết luận: Chậu kiểng là di vật gốm Biên Hòa (Đồng Nai-Việt Nam), có niên đại giữa thế kỷ 20 (phân loại theo khái niệm được quy định trong luật Di sản Văn hóa: cổ vật; di vật; hiện vật thủ công mỹ nghệ và mỹ thuật mới), về giá trị kinh tế: ước tính khoảng 10.000.000 đồng.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 452/KL-HĐĐG ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 chậu kiểng là di vật gốm Biên Hòa (Đồng Nai-Việt Nam), có niên đại giữa thế kỷ 20, trị giá tài sản ngày 15/3/2021 là 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 21/5/2021, bị cáo D điều khiển xe mô tô chở đối tượng tên Nhật (không rõ lai lịch) chạy đến khu vực xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi chạy ngang nhà của chị Tô Kim Y ở số 216C, ấp B, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì thấy trong sân nhà của chị Y có trồng cây hoa sứ, bị cáo D nói với Nhật “cây hoa sứ đẹp quá”. Nghe vậy, Nhật hỏi bị cáo D “thích thì Nhật vào lấy cho” thì bị cáo D đồng ý. Để thực hiện ý định, bị cáo D ở ngoài xe cảnh giới để Nhật xuống xe leo đứng trên hàng rào đưa tay vào nhổ lấy cây hoa sứ của chị Y rồi chuyển ra ngoài cho bị cáo D rồi cùng nhau chở cây hoa sứ đem về nhà bị cáo D trồng.

Vật chứng thu giữ: 01 cây hoa sứ, chiều cao 1,5m; tán rộng 1,5m; hoành góc 0,96m (do bị cáo D giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 521/KL-HĐĐG ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 cây hoa sứ, cao 1,5m; tán rộng 1,5m; hoành góc 0,96m, trị giá ngày 21/5/2021 là 2.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 13/6/2021, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 63H2-0798 chở bị cáo S đến địa bàn huyện C, tỉnh Bến Tre để tìm tài sản lấy trộm. Khi chạy ngang cửa hàng vật liệu xây dựng H2 ở ấp P, xã PT, huyện C, tỉnh Bến Tre do anh Huỳnh Văn A làm chủ thì thấy phía trước cửa hàng vật liệu xây dựng H2 có để 01 máy cắt sắt và không người trông coi nên bị cáo S rủ bị cáo D lấy trộm máy cắt sắt thì bị cáo D đồng ý. Để thực hiện ý định, bị cáo D ở ngoài xe cảnh giới để bị cáo S vào lấy máy cắt sắt của anh A đem ra ngoài rồi cùng bị cáo D khiêng máy cắt sắt ra đặt lên xe mô tô biển số 63H2-0798. Sau đó, bị cáo D điều khiển xe chở bị cáo S ngồi sau ôm máy cắt sắt vừa trộm được tẩu thoát. Nhưng khi cả hai đến xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng công an tuần tra phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 máy cắt sắt 3T5 màu xám đã qua sử dụng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Pluza màu xanh đen, biển số 63H2-0798.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 1314/KL-HĐĐG ngày 16/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 máy cắt sắt 3T5 (mua vào ngày 03/01/2019), trị giá ngày 13/6/2021 là 2.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSTPBT ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Huỳnh

Hữu D và Đỗ Hoàng S về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu D từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng S từ 9 tháng đến 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Ghi nhận các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm.

+ Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã giao trả lại người có quyền lợi liên quan Phạm Thị Hồng P 01 xe mô tô loại Novo 5 màu trắng-tím, biển số 71B1-471.84 và giao trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành C 01 xe mô tô nhãn hiệu Pluza màu xanh đen, biển số 63H2-0798.

Các bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên sự vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản, bản ảnh thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu

chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/3/2021 đến ngày 13/6/2021 trên địa bàn thành phố BT và huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Huỳnh Hữu D đã có hành vi câu kết với bị cáo Đỗ Hoàng S và đối tượng tên Nhật (không rõ lai lịch) thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ ngày 15/3/2021, tại nhà số 55A1, khu phố B, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo D và bị cáo S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Phan Văn B 01 chậu trồng cây kiểng, đường kính trong 41cm, đường kính ngoài 49 cm, chiều cao 35cm, viền trắng men màu xanh dương có giá trị là 10.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 21/5/2021, tại nhà số 216C, ấp B, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo D cùng đối tượng tên Nhật đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Tô Kim Y 01 cây hoa sứ, chiều cao 1,5 mét; tán rộng 1,5 mét; hoành gốc 0,96 mét có giá trị là 2.500.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 13/6/2021, tại cửa hàng vật liệu xây dựng H2 ở ấp P, xã PT, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo D và bị cáo S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Huỳnh Văn A 01 máy cắt sắt 3T5 màu xám có giá trị là 2.250.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo D thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền chiếm đoạt là 14.750.000 đồng, bị cáo S thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền chiếm đoạt là 12.250.000 đồng.

[4] Các bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân có giá trị trên hai triệu đồng nhưng chưa đến năm mươi triệu đồng với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài và tài sản sử dụng mà không phải bỏ công sức nên các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo đều là người rủ rê, bị cáo D cảnh giới cho bị cáo S và đối tượng tên Nhật thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng như phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về phân trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, cụ thể: bị hại Phan Văn B đã nhận lại 01 chậu trồng cây kiểng, đường kính trong 41cm, đường kính ngoài 49 cm, chiều cao 35cm, viền trắng men màu xanh dương, bị hại Tô Kim Y đã nhận lại 01 cây hoa sứ, chiều cao 1,5 mét; tán rộng 1,5 mét; hoành góc 0,96 mét và bị hại Huỳnh Văn A đã nhận lại 01 máy cắt sắt 3T5 màu xám, đồng thời các bị hại không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[10] Về phần xử lý vật chứng

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng của vụ án, bao gồm: 01 xe mô tô loại Novo 5 màu trắng-tím, biển kiểm soát 71B1-471.84 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Pluza màu xanh đen, biển số 63H2-0798. Xét thấy, xe mô tô biển số 71B1 – 471.84 thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Hồng P, xe mô tô biển số 63H2-0798 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành C, bà P và ông C không biết các bị cáo sử dụng các xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho bà P và ông C là phù hợp nên ghi nhận.

[11] Đối với bà Phạm Thị Hồng P và ông Nguyễn Thành C khi giao xe cho bị cáo D mượn không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Đối với đối tượng tên Nhật do không rõ lai lịch cụ thể nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với các hành vi trộm cắp chậu kiểng mà các bị cáo D và S thực hiện vào ngày 09/5/2021 tại phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre và vào ngày 05/6/2021 tại Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, mặc dù Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trưng cầu giám định cổ vật nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Hội đồng khoa học - Bảo tàng Lịch sử thuộc Sở văn hóa và Thể thao thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận hiện vật để giám định, các bị cáo thống nhất tách ra xử lý sau nên sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác sau khi có kết quả trưng cầu giám định.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu D (D Mập) và Đỗ Hoàng S phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Huỳnh Hữu D (D Mập) 01 (Một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2021.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Đỗ Hoàng S 9 (Chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2021.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Huỳnh Hữu D và Đỗ Hoàng S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3. Các bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã LT, huyện B, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (7b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (4b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út